

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP



BÙI VĂN TÚ

**XÂY DỰNG HỆ THỐNG BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ SỬ
DỤNG MẬT MÃ**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

THÁI NGUYÊN - 2020

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

BÙI VĂN TÚ

**XÂY DỰNG HỆ THỐNG BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ
SỬ DỤNG MẬT MÃ**

Chuyên ngành: Kỹ thuật Viễn thông

Mã số: 8.52.02.08

LUẬN VĂN THẠC SĨ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

KHOA CHUYÊN MÔN

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

TS. NGUYỄN PHƯƠNG HUY

THÁI NGUYÊN - 2020

LỜI CAM ĐOAN

Tên tôi là: **Bùi Văn Tú**

Sinh ngày: 14/7/1986

Học viên lớp cao học CHK20KTVT - Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp
- Đại học Thái Nguyên.

Hiện đang công tác tại: Sở Công Thương Bắc Giang.

Xin cam đoan: Đề tài “*Xây dựng hệ thống bỏ phiếu điện tử sử dụng mật mã*” do Thầy giáo **TS. Nguyễn Phương Huy** hướng dẫn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Tất cả tài liệu tham khảo đều có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.

Tác giả xin cam đoan tất cả những nội dung trong luận văn đúng như nội dung trong đề cương và yêu cầu của thầy giáo hướng dẫn. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước hội đồng khoa học và trước pháp luật.

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2020

Tác giả luận văn

Bùi Văn Tú

LỜI CẢM ƠN

Sau một thời gian nghiên cứu và làm việc nghiêm túc, được sự động viên, giúp đỡ và hướng dẫn tận tình của Thầy giáo hướng dẫn **TS. Nguyễn Phương Huy**, luận văn với đề tài “*Xây dựng hệ thống bỏ phiếu điện tử sử dụng mật mã*” đã hoàn thành.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến:

Thầy giáo hướng dẫn **TS. Nguyễn Phương Huy** đã tận tình chỉ dẫn, giúp đỡ tôi hoàn thành luận văn này.

Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp và đặc biệt là các thầy, cô trong Khoa Điện tử đã giúp đỡ tôi trong quá trình học tập cũng như thực hiện luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn bạn bè, đồng nghiệp và gia đình đã động viên, khích lệ, tạo điều kiện giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập, thực hiện và hoàn thành luận văn này.

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2020

Tác giả luận văn

Bùi Văn Tú

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH	v
DANH MỤC BẢNG BIỂU	vi
MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1: BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ	5
1.1. Tổng quan về bỏ phiếu điện tử.....	5
1.1.1. Khái niệm về bỏ phiếu.....	6
1.1.2. Khái niệm bỏ phiếu điện tử.	7
1.1.3. Ưu điểm của bỏ phiếu điện tử.	7
1.1.4. Hai bài toán bỏ phiếu điện tử thường gặp.....	7
1.1.5. Yêu cầu chung của bỏ phiếu điện tử.	8
1.2. Ứng dụng mật mã trong bỏ phiếu điện tử	8
1.2.1. Tổng quan về mật mã	8
1.2.1.1. Giới thiệu	8
1.2.1.2. Vai trò của hệ mật mã.....	9
1.2.1.3. Phân loại hệ mật mã.....	10
1.2.1.4. Tiêu chuẩn đánh giá hệ mật mã.....	11
1.2.2. Một số ưu điểm khi ứng dụng mật mã trong bỏ phiếu điện tử.....	12
1.2.2.1. Kiểm tra tổng các phiếu bầu thay vì kiểm tra từng lá phiếu	12
1.2.2.2. Mật mã giúp đạt tính phân quyền trong kiểm phiếu	15
1.2.2.3. Mã hóa xác suất giúp giữ vững tính ẩn danh của phiếu bầu	16
1.2.2.4. Chứng minh tương tác để chống việc bán phiếu bầu	16
1.3. Kiến trúc chung của một hệ thống bỏ phiếu điện tử.	18
1.3.1. Các thành phần trong hệ thống bỏ phiếu điện tử.	18
1.3.2. Các giai đoạn bỏ phiếu điện tử.	19
1.4. Giới thiệu một số hệ thống bỏ phiếu điện tử trong thực tế.	19
1.5. Kết luận chương 1	20

CHƯƠNG 2: ỨNG DỤNG MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRONG XÂY DỰNG HỆ THỐNG BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ.....	22
2.1. Cơ sở toán học của mật mã.	22
2.1.1. Nhóm, vành và không gian Z_p	22
2.1.2. Bài toán logarit rời rạc.	23
2.1.3. Mã hóa và giải mã dữ liệu.	24
2.1.4. Mã hóa và giải mã bằng khóa bí mật và công khai.	26
2.2. Sử dụng hệ mã hóa khóa công khai Elgamal trong bỏ phiếu điện tử.....	28
2.2.1. Tổng quan về hệ mật mã khóa công khai.....	28
2.2.2. Tính đồng cấu của hệ mã hóa Elgamal.	29
2.2.3. Ứng dụng hệ mã hóa Elgamal cho bỏ phiếu đồng ý /không đồng ý.	29
2.3. Sử dụng sơ đồ chia sẻ bí mật Shamir kết hợp với hệ mã hóa Elgamal trong bỏ phiếu điện tử.....	31
2.3.1. Kỹ thuật Chia sẻ khóa bí mật (Secret Sharing).....	31
2.3.2. Các sơ đồ chia sẻ bí mật.	32
2.3.3. Sơ đồ chia sẻ bí mật Shamir kết hợp với hệ mã hóa Elgamal cho bài toán loại bỏ phiếu chọn L trong K.	37
2.4. Kết luận chương 2	41
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC	42
3.1. Mô phỏng hệ thống bỏ phiếu điện tử cho hai bài toán cơ bản.	42
3.2. Thiết kế và thi công hệ thống bỏ phiếu điện tử cho bài toán bỏ phiếu Có/Không	
50	
3.2.1. Giới thiệu	50
3.2.2. Sơ đồ khối của hệ thống	51
3.2.3. Thiết kế chi tiết khối chức năng	53
3.2.4. Một số kết quả đạt được.	59
KẾT LUẬN VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN.....	62
TÀI LIỆU THAM KHẢO	64

DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH

Hình 1.1. Mã hoá với khoá mã và khoá giải giống nhau	10
Hình 2.1. Mã hóa dữ liệu.	24
Hình 2.2. Quy và giải trình mã hóa mã.	25
Hình 2.3. Sơ đồ mã hóa và giải mã bằng khóa riêng.	26
Hình 2.4. Sơ đồ mã hóa và giải mã bằng khóa công khai.	27
Hình 2.5. Hệ mật mã công khai.	28
Hình 2.6. Sơ đồ bỏ phiếu đồng ý/ không đồng ý.	30
Hình 2.7. Sơ đồ bỏ phiếu chọn L trong K.	39
Hình 3.1. Giao diện chương trình chính.	45
Hình 3.2. Giao diện chương trình bỏ phiếu có/không đồng ý.	46
Hình 3.3. Giao diện chương trình bỏ phiếu chọn L trong K.	48
Hình 3.4. Sơ đồ khối của hệ thống.	51
Hình 3.5. Lưu đồ giải thuật tạo nội dung phiếu bầu trên Android.	53
Hình 3.6. Màn hình File Activity_login.xml (Design).	54
Hình 3.7. Màn hình Activity_main.xml (Design).	54
Hình 3.8. Module sim A7.	55
Hình 3.9. Module arduino Uno.	56
Hình 3.10. Web hiển thị kết quả bỏ phiếu.	58
Hình 3.11. Màn hình login.	59
Hình 3.12. Màn hình chính hệ thống bỏ phiếu điện tử.	60
Hình 3.13. Kết quả bỏ phiếu hiển thị trên trang web.	60
Hình 3.14. Danh sách niêm yết trên trang web.	61
Hình 3.15. Kết quả bỏ phiếu hiển thị trên trang web (tiếp).	61

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Một số ví dụ về mã hóa và giải mã.....	28
Bảng 3.1. Các file chính để minh họa Bài toán bỏ phiếu có/không đồng ý.....	44
Bảng 3.2. Các file chính để minh họa Bài toán bỏ phiếu “chọn L trong K”	44
Bảng 3.3. Thông số kỹ thuật của Arduino nano v3.0.....	56

MỞ ĐẦU

1. Tính khoa học và cấp thiết của đề tài

Trong những năm gần đây, sự phát triển, hội tụ và tương tác các xu thế công nghệ đã mở ra nhiều cơ hội phát triển cho Chính phủ điện tử. Một trong những phương diện mới đánh dấu sự phát triển của Chính phủ điện tử và đã được kiểm chứng ở một số nước phương Tây là *bỏ phiếu điện tử*.

Phương thức bỏ phiếu truyền thống gặp phải một số hạn chế: với những cử tri ở vùng sâu vùng xa, khoảng cách về địa lý sẽ bị hạn chế việc thực hiện được quyền bỏ phiếu của mình; tính độc lập, cá nhân và quyền riêng tư của cử tri sẽ bị ảnh hưởng lớn; tính minh bạch, niềm tin vào số lần bỏ phiếu của một cử tri; việc đảm bảo an ninh cho bầu cử, tính minh bạch kết quả bầu cử, sự tham gia và thái độ tham gia của những cử tri trẻ đối với cuộc bầu cử; tính an ninh của những lá phiếu trong quá trình vận chuyển và kiểm phiếu. Cùng với đó là quá trình chuẩn bị cơ sở vật chất, đào tạo nhân lực phục vụ cho cuộc bầu cử. Đây quả là những khó khăn, thách thức vô cùng lớn.

Trong khi đó, nhờ sự phát triển của công nghệ viễn thông, bằng hình thức bỏ phiếu điện tử, mọi người dân đều có thể tự tay bỏ những lá phiếu của mình cho dù họ đang ở đâu, làm gì. Hơn nữa, nó còn đảm bảo được tính cá nhân và quyền riêng tư trong lá phiếu của mình, đảm bảo an ninh do không mất quá trình vận chuyển “thủ công” hòm phiếu từ nhiều địa điểm khác nhau mà nó đã được lưu trữ ngay lập tức vào hệ thống cơ sở dữ liệu. Thay vì đào tạo một đội ngũ cán bộ không lỗi để phục vụ cho công tác bầu cử, việc bỏ phiếu điện tử sẽ giản tiện tới mức tối đa về nhân lực. Và một điều đặc biệt, hình thức bỏ phiếu này sẽ đáp ứng nhu cầu bầu cử theo cách của những người trẻ đó có thể là bầu cử trực tuyến, có thể là bầu cử qua điện thoại hoặc bầu cử thông qua Facebook, Twiter, Youtube... Thông qua hệ thống Internet và những thiết bị thông minh, chính phủ có thể dễ dàng kết nối tất cả quá trình trước, trong và sau bầu cử nhanh, gọn, nhẹ; thu hút được đông đảo cử tri và không phân biệt đối tượng, vị trí địa lý. Điều này chắc chắn sẽ giảm bớt sức nặng tối đa cho cuộc bầu cử và mang lại thành công cho nó. Qua đó cũng thấy được tính ưu việt của hình thức

bỏ phiếu điện tử. Với chính phủ, bỏ phiếu điện tử là một bước cụ thể hóa của chính phủ điện tử và được đánh giá là giải pháp hữu hiệu cho việc bầu cử của các quốc gia.

Trên thế giới, khái niệm bỏ phiếu điện tử (e-voting) không còn xa lạ gì đối với các nước phát triển, nhất là ở Bắc Mỹ và Châu Âu. Tại Châu Á, chỉ có ba nước đã từng thử nghiệm hệ thống bầu cử điện tử, đó là Hàn Quốc, Nhật Bản và Ấn Độ, những nước có trình độ công nghệ phát triển cao. Tuy nhiên bầu cử điện tử tại ba nước này vẫn chưa được xem là thực sự thành công khi kết quả thu được từ những lá phiếu điện tử vẫn còn nhiều nghi vấn. Vấn đề lớn nhất chính là tính bảo mật của toàn hệ thống.

Tại Việt Nam bỏ phiếu điện tử mới chỉ dừng ở mục đích bầu chọn, bình chọn (bầu chọn Vịnh Hạ Long là di sản Thiên nhiên thế giới, bình chọn bài hát hay trên sóng truyền hình, bình chọn hoa hậu, ca sỹ..) song chưa thể triển khai vào các cuộc bầu cử quan trọng do còn nhiều hạn chế (vấn đề ngân sách, giáo dục ý thức cho người dân, quá trình phổ biến, huấn luyện phương thức thực hiện cho các cấp, các bộ phận liên quan..). Đây rõ ràng là một khoảng trống khá lớn, nhất là việc kinh phí lắp đặt hệ thống máy bầu cử hay trở ngại trong khoảng cách vùng miền.

Để hoạt động bỏ phiếu phát huy đúng tác dụng thì cần đảm bảo hai yêu cầu về *tính kiểm tra được* và *tính tự do trong lựa chọn* [1], [2], [9]. Điều này chỉ có thể được thực hiện nhờ mật mã. Người đầu tiên đặt nền móng cho việc xây dựng các hệ bỏ phiếu tích hợp các phương pháp mật mã là Chaum vào năm 1981 [3]. Kể từ đó đến nay, các công trình công bố trên thế giới đều tập trung vào xây dựng ba mô hình bỏ phiếu cơ bản là: mô hình xáo trộn phiếu [3], mô hình chữ ký mù [4] và mô hình sử dụng mã hóa đồng cấu [6],[7],[9]. Trong đó, do tính ưu việt trong giải quyết vấn đề tính kiểm tra được và tính tự do trong lựa chọn mà gần đây, mô hình mã hóa đồng cấu được tập nghiên cứu nhiều nhất. Hiện tại ở Việt Nam, các công trình như [1], [2] mới chỉ dừng lại ở việc đề xuất áp dụng các mô hình bỏ phiếu mà chưa thực sự triển khai trên một ứng dụng cụ thể.

Chính vì vậy, được sự hướng dẫn của Thầy giáo, TS. Nguyễn Phương Huy, học viên lựa chọn đề tài luận văn tốt nghiệp “***Xây dựng hệ thống bỏ phiếu điện tử sử dụng mật mã***” với mong muốn áp dụng các kiến thức đã được học, xây dựng một hệ